Trường THCS Yên Nghĩa

Ngày soạn:…/…/…

Ngày dạy:…/…/…

**BÀI 4: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ RỪNG**

**I. MỤC TIÊU**

1. **Năng lực**

* ***Năng lực chung:***
* Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
* Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.
* ***Năng lực riêng:* (** năng lực nhận thức công nghệ )Trình bày được vai trò của rừng,

phân biệt được các loại rừng phổ biến ở nước ta.

1. **Phẩm chất**
   * Có lòng yêu nước thể hiện ở:

* Có ý thức bảo vệ rừng.
* Tình yêu thiên nhiên ( yêu rừng).
  + Sống có trách nhiệm: thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ rừng
  1. **THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. **Đối với giáo viên**

* SGK, Giáo án.
* Tranh ảnh, video liên quan đến bài học.

1. **Đối với học sinh**

* Đọc trước bài học trong SGK.
* Tìm kiếm và đọc trước tài liệu có liên quan đến bài học.
* Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập (nếu cần) theo yêu cầu của GV.
  1. **TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

| **Tiết** | **Nội dung** | **PP/KTDH** | **PP/CCĐG** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | **Hoạt động 1:** Khởi động 7p | PPDH: Vấn đáp, dạy học trực quan.  KTDH: Động não | PP: Hỏi - đáp  CC: Câu hỏi |
| **Hoạt động 2:** Hình thành kiến thức mới  **PHẦN I: Tìm hiểu vai trò của rừng. 38p** | PPDH: Dạy học trực quan, nhóm, giải quyết vấn đề, vấn đáp, thuyết trình.  KTDH: Động não, chia nhóm | PP: Hỏi – đáp, quan sát  CC: Câu hỏi, |
| 2 | **PHẦN II: Các loại rừng phổ biến ở nước ta. 30p** | PPDH: Nhóm, giải quyết vấn đề, vấn đáp, thuyết trình.  KTDH: Động não, chia nhóm | PP: Hỏi-đáp, quan sát.  CC: phiếu bài tập số 1, câu hỏi. |
| **Hoạt động 3:** luyện tập **10p** | PPDH: Vấn đáp  KTDH: Đặt câu hỏi | PP: Hỏi – đáp  CC: Câu hỏi |
| 2 | **Hoạt động 4:** vận dụng **5p** | PPDH: Nhóm, giải quyết vấn đề, vấn đáp, thuyết trình.  KTDH: Động não, chia nhóm | PP: Hỏi-đáp, quan sát.  CC: phiếu bài tập số 2, câu hỏi. |

**1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

1. **Mục tiêu:**Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.
2. **Nội dung:**GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi.
3. **Sản phẩm học tập:**HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức.
4. **Tổ chức thực hiện:**

- GV cho HS quan sát hình ảnh một số khu rừng nổi tiếng ở đất nước ta và trên thế giới.

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Hãy mô tả một khu rừng mà em biết.*

- HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ.

- GV chiếu hình ảnh và đưa ra gợi ý mô tả về rừng  U Minh - Cà Mau, Kiên Giang: *Rừng U Minh được con sông Trèm chia ra thành 2 vùng U Minh Thượng (thuộc tỉnh Kiên Giang) và U Minh Hạ (thuộc tỉnh Cà Mau). Cả hai khu rừng đều được coi là khu sinh quyển, lá phổi xanh của Đồng bằng sông Cửu Long. Khu rừng là nơi sinh sống của 252 loài thực vật, 24 loài thú, 185 loài chim, nhiều loài có tên trong Sách đỏ. Đến với rừng U Minh, du khách sẽ được len lỏi trong rừng trên những kênh rạch dài hút tầm mắt, ngắm nhìn cảnh đẹp kỳ thú khi đi giữa ngút ngàn lau sậy, chiêm ngưỡng những rừng tràm bạt ngàn và thỉnh thoảng bắt gặp vài nhành hoa sim tím lãng mạn. Ngoài ra du khách cũng sẽ được trải ngiệm cuộc sống giản di của người dân Nam Bộ, thưởng thức những món ăn ngon tuy đơn giản nhưng khiến người ta nhớ mãi.*

- GV dẫn dắt vào bài học: *Việt Nam nổi tiếng với thiên nhiên có những thảm thực vật đa dạng, những khu rừng nguyên sinh nổi tiếng. Vậy các em có biết về các loại rừng phổ biến ở nước ta cũng như vai trò của rừng với môi trường sinh thái và với sinh hoạt sản xuất? Để tìm hiểu rõ hơn về vấn đề này, chúng ta sẽ cùng đi vào bài học ngày hôm nay –****Bài 4: Giới thiệu chung về rừng.***

1. **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu vai trò của rừng**

1. **Mục tiêu:**Thông qua hoạt động, HS nắm được thành phần của đất trồng và vai trò của từng phần đối với cây trồng.
2. **Nội dung:**GV trình bày vấn đề; HS lắng nghe, đọc SGK, quan sát hình ảnh, thảo luận và trả lời câu hỏi.
3. **Sản phẩm học tập:**Câu trả lời của HS.

|  |
| --- |
| **Tìm hiểu vai trò của rừng**  - Rừng là một vùng đất rộng lớn , gồm rất nhiều loài động vật, thực vật, vi sinh vật và các yếu tố môi trường sống của chúng, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.  - Vai trò của rừng:  + Với môi trường sinh thái:  ·        Được ví như lá phổi xanh của Tría đất.  ·        Chống xói mòn đất, giữ nước, giảm lũ lụt, hạn hán.  ·        Liên tục tạo chất hữu cơ làm tăng độ phì nhiêu cho đất.  ·        Ở khu vực ven biển, rừng có vai trò chắn cát, chắn gió, bảo vệ cho vùng đất bên trong.  ·        Là nơi cư trú của nhiều loài động vật và con người.  + Với sinh hoạt, sản xuất  ·        Cung cấp củi đốt.  ·        Nguyên liệu cho sản xuất đồ gỗ, làm nhà, sản xuất giấy.  ·        Cung cấp nguồn dược liệu và nguồn gene quý.  ·        Là nơi du lịch sinh thái, thắng cảnh thiên nhiên.  ·        Việc giao đất, giao rừng tạo việc làm và thu nhập cho người dân.  - Trong giai đoạn 2000-2020, Việt Nam đã được công nhận 11 Khu dự trữ sinh quyển thế giới, trở thành quốc gia có số lượng Khu dự trữ sinh quyển thế giới đứng thứ 2 Đông Nam Á, sau Indonesia (19 Khu dự trữ sinh quyển):  + Khu dự trữ sinh quyển Núi Chúa.  + Khu dự trữ sinh quyển Kon Hà Nừng.  + Khu dự trữ sinh quyển Langbiang.  + Khu dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm.  + Khu dự trữ sinh quyển Mũi Cà Mau.  + Khu dự trữ sinh quyển miền tây Nghệ An.  + Khu dự trữ sinh quyển ven biển và biển đảo Kiên Giang.  + Khu dự trữ sinh quyển châu thổ sông Hồng.  + Khu dự trữ sinh quyển Cát Bà.  + Khu dự trữ sinh quyển Đồng Nai.  + Khu dự trữ sinh quyển rừng ngập mặn Cần Giờ. |

1. **Tổ chức hoạt động:**

|  |
| --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc thông tin mục 1 SGK tr.24 và trả lời câu hỏi: *Rừng là gì?*  - GV hướng dẫn HS quan sát sơ đồ còn trống Hình 4.2. – Sơ đồ vai trò của rừng SGK tr.25, yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi và thực hiện nhiệm vụ: *Đọc nội dung vai trò của rừng và hoàn thiện sơ đồ theo mẫu ở Hình 4.2.*  - GV mở rộng kiến thức: *Luật Bảo vệ và phát triển rừng của Việt Nam có ghi rõ: “Rừng là một trong những tài nguyên quý báu mà thiên nhiên ưu ái ban tặng cho nước ta, rừng có khả năng tái tạo, là bộ phận quan trọng với môi trường sinh thái, đóng góp giá trị to lớn với nền kinh tế quốc gia, gắn liền với đời sống của nhân dân và sự sống còn của dân tộc.”*  - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi, đọc mục Tìm hiểu thêm SHK tr.26 và trả lời câu hỏi: *Có bao nhiêu khu rừng dự trữ sinh quyển thế giới ở Việt Nam?*  - GV hướng dẫn HS đọc mục Em có biết SGK tr.26.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS quan sát hình ảnh, đọc SGK, thảo luận theo cặp đôi và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trả lời.  - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.   * + GV chốt lại kiến thức:   - Rừng là một vùng đất rộng lớn , gồm rất nhiều loài động vật, thực vật, vi sinh vật và các yếu tố môi trường sống của chúng, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.  - Vai trò của rừng:  + Với môi trường sinh thái:  ·        Được ví như lá phổi xanh của Tría đất.  ·        Chống xói mòn đất, giữ nước, giảm lũ lụt, hạn hán.  ·        Liên tục tạo chất hữu cơ làm tăng độ phì nhiêu cho đất.  ·        Ở khu vực ven biển, rừng có vai trò chắn cát, chắn gió, bảo vệ cho vùng đất bên trong.  ·        Là nơi cư trú của nhiều loài động vật và con người.  + Với sinh hoạt, sản xuất  ·        Cung cấp củi đốt.  ·        Nguyên liệu cho sản xuất đồ gỗ, làm nhà, sản xuất giấy.  ·        Cung cấp nguồn dược liệu và nguồn gene quý.  ·        Là nơi du lịch sinh thái, thắng cảnh thiên nhiên.  ·        Việc giao đất, giao rừng tạo việc làm và thu nhập cho người dân. |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu về các loại rừng phổ biến ở nước ta**

1. **Mục tiêu:**Thông qua hoạt động, HS nêu và mô tả được mục đích sử dụng của các loại rừng phổ biến ở nước ta.
2. **Nội dung:**GV trình bày vấn đề; HS lắng nghe, đọc SGK, quan sát hình ảnh, thảo luận và trả lời câu hỏi.
3. **Sản phẩm học tập:**Câu trả lời của HS.

|  |
| --- |
| **Các loại rừng phổ biến ở nước ta**  *(Đính kèm kết quả Phiếu học tập số 1 bên dưới).*  *-*Đặc điểm của một loại rừng (rừng phòng hộ):  + Khu bảo tồn thiên nhiên: Khu bảo vệ có giá trị khoa học, giữ nguồn gen động vật và thực vật, Khu bảo tồn thiên nhiên có thể mở cửa để phục vụ cho nghiên cứu khoa học nhưng không mở rộng cho việc phục vụ du lịch và các nhu cầu văn hồa khác.  + Vườn quốc gia: Khu bảo vệ có giá trị sử dụng toàn diện về các mặt bảo vệ thiên nhiên, nghiên cứu khoa học, bảo tổn di tích văn hóa, phục vụ tham quan, du lịch.  + Rừng văn hóa - xã hội, nghiên cứu - thí nghiệm: Khu có các di tích lịch sử văn hóa và các cảnh quan có giá trị thẩm mỹ hoặc giá trị bảo vệ môi trường, có tác dụng phục vụ tham quan, du lịch, giải trí, nghỉ ngơi hoặc nghiên cứu khoa học. |

1. **Tổ chức hoạt động:**

|  |
| --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV giới thiệu kiến thức: *Theo mục đích sử dụng, rừng được chia làm 3 loại*  *+ Rừng đặc dụng.*  *+ Rừng phòng hộ.*  *+ Rừng sản xuất.*  - GV chia lớp thành 3 nhóm, yêu cầu HS đọc thông tin mục 2 SGK tr.26, 27 và thực hiện nhiệm vụ vào Phiếu học tập số 1:  + Nhóm 1: *Tìm hiểu về mục đích sử dụng của rừng đặc dụng.*  + Nhóm 2: *Tìm hiểu về mục đích sử dụng của rừng phòng hộ.*  + Nhóm 3: *Tìm hiểu về mục đích sử dụng của rừng sản xuất.*   |  |  | | --- | --- | | **Loại rừng** | **Mục đích sử dụng** | | Rừng đặc dụng | ? | | Rừng phòng hộ | ? | | Rừng sản xuất | ? |   - GV hướng dẫn HS quan sát *Hình 4.3 – Một số loại rừng ở Việt Nam* SGK tr.27 và trả lời câu hỏi: *Kể tên các loại rừng có trong Hình 4.3.*  - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi và trả lời câu hỏi: *Nêu và mô tả đặc điểm một loại rừng mà em biết.*  - GV giới thiệu cho HS thông tin về *dấu chân carbon.*  *+ Carbon footprint (dấu chân carbon) là tổng lượng phát thải khí nhà kính đến từ quá trình sản xuất, sử dụng và cuối vòng đời của một sản phẩm hoặc dịch vụ. Nó bao gồm các chất carbon dioxide (CO2) là loại khí mà con người thải ra nhiều nhất, và những loại chất khác, bao gồm khí metan (CH4), nitơ oxit (NO2) và flo (F). Những loại khí nhà kính có ảnh hưởng tới sức khỏe con người và giữ nhiệt trong khí quyển, gây ra hiện tượng nóng lên toàn cầu.*  *+ Dấu chân carbon do một người, tổ chức hay quốc gia tạo ra có thể theo cách trực tiếp hoặc gián tiếp. Phát thải trực tiếp như khi bạn sử dụng năng lượng để lái xe hay sử dụng các thiết bị điện. Gián tiếp là khi bạn sử dụng bất kể một vật dụng bất kỳ mà cần dùng năng lượng để sản xuất ra nó, ví dụ như thực phẩm hay quần áo. Thông thường, phần lớn lượng khí thải carbon của một cá nhân sẽ đến từ giao thông vận tải, nhà ở và thực phẩm.*  - GV hướng dẫn HS đọc mục Em có biết SGK tr.27 và trình chiếu hình ảnh khu rừng nhiệt đới lớn nhất thế giới – Amazon.  - GV chốt lại nội dung bài học:  *+ Rừng có vai trò rất quan trọng đối với môi trường sinh thái, đời sống sinh hoạt và sản xuất.*  *+ Có ba loại rừng phổ biến ở Việt Nam là rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS quan sát hình ảnh, đọc SGK, thảo luận theo cặp đôi và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trả lời.  - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới. |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Loại rừng** | **Mục đích sử dụng** |
| Rừng đặc dụng | - Là loại rừng được thành lập để bảo tồn thiên nhiên, nguồn gene sinh vật rừng, nghiên cứu khoa học, bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa.  - Kiểu rừng này gồm có: vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu rừng văn hóa, lịch sử, môi trường. |
| Rừng phòng hộ | - Là loại rừng được sử dụng chủ yếu để bảo vệ nguồn nước, bảo vệ đất, chống xói mòn, chống sa mạc hóa, hạn chế thiên tai, điều hòa khí hậu, bảo vệ môi trường.  - Rừng phòng hộ bao gồm: rừng phòng hộ đầu nguồn; rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay; rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển; rừng phòng hộ bảo vệ môi trường. |
| Rừng sản xuất | - Là loại rừng được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh gỗ, các loại lâm sản ngoài gỗ và kết hợp phòng hộ, góp phần bảo vệ môi trường.  - Rừng sản xuất gồm: rừng thông, rừng bạch đàn, rừng keo,… |

**3.HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

1. **Mục tiêu:**Củng cố lại kiến thức đã học thông qua trả lời câu hỏi trắc nghiệm
2. **Nội dung:**HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để trả lời câu hỏi.
3. **Sản phẩm học tập:**Câu trả lời của HS.

**Câu 1.***Đáp án D.*

**Câu 2.***Đáp án C.*

**Câu 3.** *Đáp án C.*

**Câu 4.** *Đáp án D.*

**Câu 5.** *Đáp án D.*

1. **Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV giao nhiệm vụ cho HS: *Khoanh tròn vào đáp án trước câu trả lời đúng:*

**Câu 1.**Rừng là một hệ sinh thái bao gồm

1. Thực vật rừng và động vật rừng.
2. Đất rừng và thực vật rừng.
3. Đất rừng và động vật rừng.
4. Sinh vật rừng, đất rừng và các yếu tố môi trường khác.

**Câu 2.**Nội dung nào sau đây là đúng khi nói về vai trò chính của rừng phòng hộ?

1. Sản xuất, kinh doanh gỗ và các loại lâm sản.
2. Bảo tồn nguồn gene sinh vật.
3. Bảo vệ đất, chống xói mòn.
4. Phục vụ du lịch và nghiên cứu.

**Câu 3.**Nội dung nào sau đây là đúng khi nói về vai trò của rừng sản xuất?

1. Bảo vệ nguồn nước.
2. Cung cấp gỗ và các loại lâm sản.
3. Hạn chế thiên tai.
4. Bảo vệ di tích lịch sử.

**Câu 4.**Nội dung nào sau đây là đúng khi nói về vai trò của rừng đặc dụng?

1. Chống sa mạc hóa.
2. Điều hòa khí hậu.
3. Hạn chế thiên tai.
4. Bảo tồn nguồn gene.

**Câu 5.**Đâu **không** phải là một thành phần của rừng?

1. Vi sinh vật.
2. Thực vật.
3. Nấm.
4. Máy tỉa cành.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

**Bước 3: Báo cáo kết quả**

**Câu 1.***Đáp án D.*

**Câu 2.***Đáp án C.*

**Câu 3.** *Đáp án C.*

**Câu 4.** *Đáp án D.*

**Câu 5.** *Đáp án D.*

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

**4.HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

1. **Mục tiêu:**Củng cố lại kiến thức đã học thông qua trả lời câu hỏi.
2. **Nội dung:**HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, hiểu biết thực tế, liên hệ bản thân, GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để trả lời câu hỏi.
3. **Sản phẩm học tập:**Câu trả lời của HS.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Rừng phòng hộ | Rừng sản xuất | Rừng đặc dụng |
| Rừng tràm Trà Sư, An Giang | Rừng thông Bản Áng, Mộc Châu, Sơn La | Vườn quốc gia U Minh Thượng, Kiên Giang |
|  |  | Vườn quốc gia Tràm Chim, Tam Nông, Đồng Tháp |
|  |  | Vườn quốc gia Yok Đôn, ĐăK Nông, Đắc Lắc |
|  |  | Khu dự trữ sinh quyển rừng ngập mặn Cần Giờ |
|  |  | Vườn quốc gia Ba Bể, Bắc Kạn. |

1. **Tổ chức thực hiện:**

-**Bước 1: giao nhiêm vụ cho HS**:*Các loại rừng sau đây thuộc loại rừng nào trong ba loại rừng đã học (rừng phòng hộ, rừng sản xuất, rừng đặc dụng).*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên rừng** | **Loại rừng** |
| 1. Vườn quốc gia Cúc Phương, Ninh Bình |  |
| 2. Vườn quốc gia Xuân Thủy, Nam Định |  |
| 3. Rừng tràm Trà Sư, An Giang |  |
| 4. Vườn quốc gia U Minh Thượng, Kiên Giang |  |
| 5. Vườn quốc gia Tràm Chim, Tam Nông, Đồng Tháp |  |
| 6. Vườn quốc gia Yok Đôn, ĐăK Nông, Đắc Lắc |  |
| 7. Rừng thông Bản Áng, Mộc Châu, Sơn La |  |
| 8. Khu dự trữ sinh quyển rừng ngập mặn Cần Giờ |  |
| 9. Vườn quốc gia Ba Bể, Bắc Kạn. |  |

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên rừng** | **Loại rừng** |
| 1. Vườn quốc gia Cúc Phương, Ninh Bình | Rừng đặc dụng |
| 2. Vườn quốc gia Xuân Thủy, Nam Định | Rừng đặc dụng |
| 3. Rừng tràm Trà Sư, An Giang | Rừng đặc dụng |
| 4. Vườn quốc gia U Minh Thượng, Kiên Giang | Rừng đặc dụng |
| 5. Vườn quốc gia Tràm Chim, Tam Nông, Đồng Tháp | Rừng đặc dụng |
| 6. Vườn quốc gia Yok Đôn, ĐăK Nông, Đắc Lắc | Rừng đặc dụng |
| 7. Rừng thông Bản Áng, Mộc Châu, Sơn La | Rừng sản xuất |
| 8. Khu dự trữ sinh quyển rừng ngập mặn Cần Giờ | Rừng đặc dụng |
| 9. Vườn quốc gia Ba Bể, Bắc Kạn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập** | Rừng đặc dụng |

- GV nhận xét, đánh giá bài làm của học sinh

- GV yêu cầu HS chưa hoàn thành về nhà làm tiếp.

- GV yêu cầu học sinh về nhà chuẩn bị bài hôm sau: soạn bài, hỏi cha mẹ hoặc tra trên goole về cách trồng các loại cây và thời vụ trồng…

**Phụ lục**

**Phiếu học tập số 1:**

|  |
| --- |
| **Trường THCS:**............  **Lớp:**..............................  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**    **Nhóm 1:** Tìm hiểu về mục đích sử dụng của rừng đặc dụng. Ví dụ 1 rừng cụ thể  **Trả lời:**  ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………… |

|  |
| --- |
| **Trường THCS:**............  **Lớp:**..............................  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**    **Nhóm 2:** Tìm hiểu về mục đích sử dụng của rừng phòng hộ. Ví dụ 1 rừng cụ thể  **Trả lời:**  ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………… |

|  |
| --- |
| **Trường THCS:**............  **Lớp:**..............................  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**    **Nhóm 3:** Tìm hiểu về mục đích sử dụng của rừng sản xuất. Ví dụ 1 rừng cụ thể  **Trả lời:**  ………………………………………………………………………………………………………  **Trường THCS:**............  **Lớp:**..............................  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**    **Nhóm** :………………………………………………………………………………………………. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Rừng phòng hộ | Rừng sản xuất | Rừng đặc dụng |
|  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA NHÓM**  Tên nhóm đánh giá: ……………… | | | | | |
| Tiêu chí | Mức độ | | | Điểm |
| Mức 3 | Mức 2 | Mức 1 |
| Tìm hiểu về mục đích sử dụng của rừng | Nêu đúng được các mục đích sử dụng rừng của nhóm mình (6 điểm) | Có lấy được ví dụ về loại rừng của nhóm, phân tích và chứng minh được mục đích sử dụng rừng của nhóm mình ( 2 điểm) | Nhận xét và bổ sung đáp án cho nhóm khác, có khả năng phản biện được đáp án ( 2 điểm) |  |
| Quá trình thảo luận và thuyết trình cho nội dung thảo luận. | HS tích cực, hợp tác trong quá trình thảo luận, Thuyết trình đủ ý trong 3 phút.  (3 điểm) | HS tích cực, không hợp tác trong quá trình thảo luận, Thuyết trình đủ ý hơn 3 phút.  (2 điểm) | HS không tích cực, không hợp tác trong quá trình thảo luận Thuyết trình chưa đủ ý  (1 điểm) |  |
| Tổng điểm |  | | | |

Sử dụng bảng kiểm sau đây để đánh giá:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Quá trình thảo luận và thuyết trình cho nội dung thảo luận. | 1. Học sinh có tích cực chủ động thực hiện nhiệm vụ được giao không? |  |  |
| 2. HS có hỗ trợ bạn học trong hoạt động nhóm không? |  |  |
| 1. HS có cùng các bạn trong nhóm thảo luận, đưa ra ý kiến của mình không? |  |  |